MV 擔當 - 般加工公差表示 0.5以上6以下 ±0.1 ±0.2 6~30 ±0,3 31~120 121~315 ±0.5 <u> ७३०० र व ४५४</u> 101 217 - CT8 20An 图面上有公差時以 图面公差 優先 ांग्रेश है ∇ バリ無きこと တ ø3.5 ED-EW EW 30 102 AC-EW ∞ EW 3C EW 0.3 18 < EW 28 AC-EW 稱 數量 設 名 質 材 部 品 名 SUS304 3 コミ足スポット機本体 調整墊片 日 共通部品番號 處 理 檢 設 計 圕 熱 赛人 赛戾 HRC 曾妤湘 2006/07/07 草晚龍 高橋 訂正 REV 度 第三 圖面 S476950 角法 番號

1 75

1:1

華淵電機工業股份有限公司:2 2021-11.646 414

WE01-009M-04-1-450-JA\A166783.dwg

SNO: S476950 SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197			
		NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197 DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SUS T0.3*38*112	AC:2 ED:1 EW:3		